

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 20/10/2024**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày nhận
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Trần Thế Anh	Nam	17/01/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	3312/QĐ560/2024	TH010115	
2	Nguyễn Văn Cường	Nam	22/12/2000	Nghệ An	Kinh	7.0	9.0	3313/QĐ560/2024	TH010116	
3	Kiều Thị Hồng Diệp	Nữ	15/4/2002	Hà Tĩnh	Kinh	7.0	9.0	3314/QĐ560/2024	TH010117	
4	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	31/5/2002	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	6.5	3315/QĐ560/2024	TH010118	
5	Ngô Thúy Hằng	Nữ	07/11/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	3316/QĐ560/2024	TH010119	
6	Đinh Viết Hạnh	Nam	16/5/1979	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	3317/QĐ560/2024	TH010120	
7	Lê Hào	Nam	31/5/2002	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	6.5	3318/QĐ560/2024	TH010121	
8	Đặng Thị Thu Hiền	Nữ	08/3/1997	Nghệ An	Thổ	6.0	6.5	3319/QĐ560/2024	TH010122	
9	Phan Thị Phương Hoa	Nữ	30/10/2001	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	3320/QĐ560/2024	TH010123	
10	Nguyễn Viết Học	Nam	12/12/1984	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	3321/QĐ560/2024	TH010124	
11	Lê Thị Huế	Nữ	28/7/1989	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	3322/QĐ560/2024	TH010125	
12	Nguyễn Xuân Hùng	Nam	10/9/1995	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	3323/QĐ560/2024	TH010126	
13	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	24/11/1978	Nghệ An	Kinh	7.0	8.5	3324/QĐ560/2024	TH010127	
14	Nguyễn Thị Hương	Nữ	10/9/1983	Nghệ An	Kinh	7.7	9.0	3325/QĐ560/2024	TH010128	
15	Trịnh Thị Huyền	Nữ	24/8/1997	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	3326/QĐ560/2024	TH010129	
16	Bùi Hữu Khuyên	Nam	25/01/1985	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	3327/QĐ560/2024	TH010130	
17	Trần Trung Kiên	Nam	10/4/1998	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	9.0	3328/QĐ560/2024	TH010131	
18	Vì Thị Kiều Linh	Nữ	20/11/2001	Nghệ An	Thái	5.3	9.0	3329/QĐ560/2024	TH010132	
19	Hoàng Thùy Linh	Nữ	27/8/1996	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	3330/QĐ560/2024	TH010133	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày nhận
						Lý thuyết	Thực hành			
20	Trần Thị Khánh Linh	Nữ	18/02/1995	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	3331/QĐ560/2024	TH010134	
21	Phạm Thị Phương Ly	Nữ	02/01/1996	Nghệ An	Kinh	5.0	7.5	3332/QĐ560/2024	TH010135	
22	Lê Thị Nga	Nữ	15/5/1977	Thanh Hóa	Kinh	5.3	7.0	3333/QĐ560/2024	TH010136	
23	Hoàng Thị Hồng Ngọc	Nữ	12/11/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	3334/QĐ560/2024	TH010137	
24	Trần Hoàng Nhi	Nữ	02/7/2001	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	3335/QĐ560/2024	TH010138	
25	Lê Thị Tuyết Nhung	Nữ	14/12/1986	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	3336/QĐ560/2024	TH010139	
26	Trần Vũ Thị Phượng	Nữ	30/10/1990	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	8.0	3337/QĐ560/2024	TH010140	
27	Nguyễn Đức Quang	Nam	02/12/1992	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	3338/QĐ560/2024	TH010141	
28	Nguyễn Thị Hoa Sen	Nữ	08/4/1984	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	3339/QĐ560/2024	TH010142	
29	Nguyễn Xuân Sơn	Nam	05/4/1971	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	3340/QĐ560/2024	TH010143	
30	Phạm Ngọc Thạch	Nam	12/10/1977	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	6.5	3341/QĐ560/2024	TH010144	
31	Cao Thị Thanh	Nữ	10/10/1992	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	3342/QĐ560/2024	TH010145	
32	Đàm Thị Thảo	Nữ	23/02/1993	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	3343/QĐ560/2024	TH010146	
33	Nguyễn Đình Tràng	Nam	02/01/1986	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	3344/QĐ560/2024	TH010147	
34	Trần Ngọc Tuấn	Nữ	22/9/1980	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	3345/QĐ560/2024	TH010148	
35	Hoàng Thị Tuyết	Nữ	10/6/1992	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	3346/QĐ560/2024	TH010149	
36	Nguyễn Văn Vinh	Nam	04/9/1991	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	3347/QĐ560/2024	TH010150	
37	Trần Thị Xoan	Nữ	01/5/2001	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	3348/QĐ560/2024	TH010151	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày nhận
						Lý thuyết	Thực hành			

